

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2024/DS-PT

Ngày: 11-11-2024

V/v: “*Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 190/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 416/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị H, sinh năm 1957; Địa chỉ: số H, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; Ông Thiệu Ngọc L, sinh năm 1954; Địa chỉ: số H, đường số A, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị V, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đường số C, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bà Thái Thị H, bà H, ông L có mặt, bà V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 nguyên đơn bà Thái Thị H trình bày:

Tại Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành số 20/2023/QĐCNHGT-DS ngày 27/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 307.750.000đ và lãi suất chậm trả. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Qua xác minh của Chi cục Thi hành án huyện Đơn Dương, bà Nguyễn Thị H1 có chung tài sản với ông Thiệu Ngọc L là quyền sử dụng đất diện tích 600m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 500m² đất nông nghiệp thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10, xã Q, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BK 045015 ngày 11/4/2012 mang tên ông Thiệu Ngọc L và tài sản trên đất là nhà xây, nhà tiền chế. Hết thời gian tự nguyện thi hành nhưng bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương đã thông báo cho ông L, bà H1 xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản nêu trên nhưng ông L, bà H1 không đồng ý vì cho rằng tài sản nhà và đất thuộc thửa 187 là tài sản riêng của ông L. Sau đó, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương đã thông báo cho bà quyền khởi kiện theo Thông báo số 302/TB -CCTHADS ngày 15/4/2024 về việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của bà H1 đối với tài sản nêu trên để thi hành án.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà là người được thi hành án. Do đó, bà yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của người phải thi hành án bà H1 trong khối tài sản chung với ông L là diện tích 600m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn, 500m² đất nông nghiệp thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10, xã Q, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BK 045015 ngày 11/4/2012 mang tên ông L và căn nhà xây diện tích 122m², 02 khối nhà tiền chế tổng diện tích 96m² tọa trên diện tích đất này để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Thiệu Ngọc L, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ông bà là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ năm 1991. Theo Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án số 20/2023/QĐCNHGT-DS ngày 27/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương thì bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị H số tiền 307.750.000đ và lãi suất chậm trả. Do chưa có điều kiện trả một lần và xin trả mỗi tháng 2.000.000đ tại giai đoạn thi hành án nhưng bà Thái Thị H không đồng ý và yêu cầu Chi cục THA dân sự huyện Đ thi hành quyết định của Toà án. Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, vì diện tích 600m² đất thuộc thửa 187, tờ bản đồ số

10, xã Q có nguồn gốc là của bà Lê Thị L1 (mẹ ông L1) cho riêng ông L1. Việc tặng cho có lập hợp đồng tại Văn phòng C ngày 01/02/2012. Từ hợp đồng tặng cho này, UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BK 045015 ngày 11/4/2012, mang tên Thiều Ngọc L. Trên diện tích đất có căn nhà gỗ khoảng 70m² là của mẹ ông L và đã tặng cho ông L. Sau khi được tặng cho, vợ chồng ông bà có ở trên diện tích nhà và đất này.

Đến năm 2016, vợ chồng ông bà phá dỡ căn nhà gỗ để xây dựng căn nhà cấp 4 tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, diện tích 122m² và làm căn nhà tiền chế phía trước diện tích 37,5m². Nguồn tiền để xây dựng căn nhà này là do ông L chuyển nhượng diện tích 431m² đất thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 10, xã Q được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSD ngày 19/11/2013 mang tên ông L cho ông Phan Văn Đ được 515.000.000đ, diện tích đất này là di sản mà ông L và các anh chị em trong gia đình được hưởng thừa kế từ ông Thiều N (cha ông L). Sau khi thanh toán kỹ phần cho các anh chị em thì ông L được hưởng trên 300.000.000đ và dùng khoản tiền này để làm nhà. Năm 2023, làm căn nhà tiền chế diện tích 58,5m², nguồn tiền là do con trai Thiều Quang A làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh cho riêng ông L để làm. Vì vậy, nhà và đất nêu trên là tài sản riêng của ông L. Bà H làm tạp vụ ở Trường tiểu học Q, thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng nên không có đóng góp công sức gì trong việc xây dựng các căn nhà này. Toàn bộ diện tích 600m² đất và diện tích nhà nêu trên là tài sản riêng của ông L nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị V trình bày:

Tại Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 17/2023/QĐCNHGT-DS ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, theo đó bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ phải trả cho bà số tiền 200.000.000đ. Sau khi quyết định có hiệu lực, bà đã làm đơn yêu cầu Chi cục THA dân sự huyện Đ thi hành án cho bà. Do bà H1, ông L cho rằng nhà và đất thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10, xã Q là tài sản riêng của ông L nên không đồng ý thỏa thuận phân chia tài sản để bà H1 thi hành nghĩa vụ trả nợ của mình. Nay bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án bà Nguyễn Thị H1 trong khối tài sản với L là quyền sử dụng đất diện tích 600m² thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10, xã Q và tài sản tọa trên diện tích đất này để thi hành án, bà cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H để đảm bảo quyền lợi cho bà là người được thi hành án.

Tại Bản án số 30/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Xử.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị H về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy

định của Luật thi hành án dân sự” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Thiệu Ngọc L.

Xác định quyền sử dụng diện tích đất 600m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn, 500m² đất nông nghiệp thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 10, xã Q, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 045015 ngày 11/4/2012 mang tên ông Thiệu Ngọc L là tài sản riêng của ông Thiệu Ngọc L.

Xác định bà Nguyễn Thị H1 có 1/3 quyền sở hữu đối với căn nhà cấp 4, kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch bông, diện tích 122m², căn nhà tiền chế, kết cấu vách tôn, mái lợp tôn, nền gạch gốm diện tích 37,5m² và 1/2 quyền sở hữu đối với căn nhà tiền chế, kết cấu vách tôn, mái lợp tôn, nền gạch bông diện tích 58,5m², tất cả đều tọa lạc trên thửa đất 187, tờ bản đồ số 10, xã Q, huyện Đ với ông Thiệu Ngọc L để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/9/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định kháng nghị số 26/QĐ-VKS-DS ngày 10/9/2024 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo hướng hủy toàn bộ bản án và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Thái Thị H trình bày việc bà rút đơn không tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Thiệu Ngọc L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 10/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và phát biểu về việc việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 10/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thấy rằng:

[2.1] Tài sản mà bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thụ lý giải quyết để xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo Luật thi hành án dân sự cho bà là diện tích đất 600m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn, 500m² đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 187 tờ bản đồ số 10 xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 045015 do ngày 11/4/2012 mang tên ông Thiều Ngọc L và căn nhà cấp 4, kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch bông, diện tích 122m², căn nhà tiền chế, kết cấu vách tôn, mái lợp tôn, nền gạch gốm diện tích là 37,5m² và căn nhà tiền chế, kết cấu vách tôn, mái lợp tôn, nền gạch bông diện tích 58,5m², tất cả đều tọa lạc trên thửa đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Thiều Ngọc L và bà Nguyễn Thị H1.

[2.2] Tại Thông báo số 302/TB -CCTHADS ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đơn Dương về việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nêu trên để thi hành án, giành quyền cho bà Thái Thị H trong thời hạn 15 ngày có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định có hay không phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H1 trong khối tài sản vừa nêu trên.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự quy định về việc kê biên, xử lý tài sản chung của người phải thi hành với người khác được thực hiện như sau:

“b) Trường hợp người phải thi hành án có chung tài sản với người người khác mà đã xác định được phần tài sản, quyền tài sản của từng người thì Chấp hành viên kê biên phần tài sản, quyền tài sản của người phải thi hành án để thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; trường hợp chưa xác định được phần quyền của người thi hành án thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này ”

“c) Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết.

Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển

quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết.

Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ”.

Trong trường hợp này Chấp hành viên phải tự thực hiện việc xác định phần sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án bà Nguyễn Thị H1 trong khối tài sản chung của vợ chồng bà H1 với ông L để thi hành án cho bà Thái Thị H và phải tự chịu trách nhiệm đối với việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án và những người liên quan đến tài sản mà Chấp hành viên đã xử lý theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên không căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên để thực hiện việc phân chia quyền sở hữu, sử dụng phần của bà Nguyễn Thị H1 trong khối tài sản chung với ông L và thông báo cho ông Thiệu Ngọc L, bà Nguyễn Thị H1 biết để thực hiện quyền của mình, nếu hết thời hạn được thông báo mà vợ chồng ông L, bà H1 không có ý kiến gì đối với việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản thì Chấp hành viên thực hiện các bước tiếp theo để thi hành án theo quy định. Tuy nhiên Chấp hành viên thông báo cho bà Thái Thị H có quyền khởi kiện tại Toà án và Toà án nhân dân huyện Đơn Dương đã thụ lý giải quyết đối với yêu cầu của bà Thái Thị H là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ phân tích trên, cần chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 10/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2, 4 Điều 26, điểm a khoản 3, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 190/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự” nguyên đơn: Bà Thái Thị H với bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1 ông Thiệu Ngọc L.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Thái Thị H phải chịu 350.000đồng chi phí tố tụng (đã nộp và quyết toán xong).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Thái Thị H, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Thiệu Ngọc L theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2, 4 Điều 26, điểm a khoản 3, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 190/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự” nguyên đơn: Bà Thái Thị H với bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1 ông Thiều Ngọc L.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Thái Thị H phải chịu 350.000đồng chi phí tố tụng (đã nộp và quyết toán xong).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Thái Thị H, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Thiều Ngọc L theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm